

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2025/HC-PT

Ngày: 27/02/2025

V/v: “Khiếu kiện hành vi hành chính
về lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tồn
Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Thái
Bà Võ Thị Ngọc Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 438/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn Khang H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ B, khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; Địa chỉ: Tổ C, khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ E, Khối phố P, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

4. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ D, thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

5. Ông Nguyễn Tuấn T2, sinh năm 1972.

6. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1968.

7. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1983.

8. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990.

9. Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1998.

10. Bà Nguyễn Anh Đ, sinh năm 2002.

11. Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1955.

Cùng địa chỉ: Tổ B, khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

12. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1988; Địa chỉ: A, Quốc lộ E, ấp A, B, B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà T, bà P, ông T1, ông T2, bà S, bà T3, bà N, bà H1, bà Đ, bà H2: Ông Nguyễn Khang H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ B, khối phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Khang H: Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh N1 - Phó chủ tịch UBND thành phố T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Đinh Hữu T5 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. Vắng mặt.

+ Ông Lê Quang Đ1 - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T. Có mặt.

- Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Khang H và người bị kiện UBND thành phố T.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng [Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông [Nguyễn Khang H](#), trình bày:

Năm 2002, ông [Nguyễn H3](#) (ông nội của ông [Nguyễn Khang H](#)) có nhà và đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ 30, diện tích đăng ký theo hồ sơ kê khai 64/CP là 832m², diện tích đăng ký theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg là 1.164m² nằm trong diện giải tỏa đền bù để làm [Bệnh viện Lao tỉnh Q](#). Nguồn gốc đất do ông [Nguyễn H3](#) để lại trước năm 1970. Cùng bị giải tỏa với gia đình ông [H3](#) tại khu vực này còn có các hộ là hộ bà [Hồ Thị X](#), hộ ông [Doãn Văn M1](#). Gia đình ông [H3](#) bị thu hồi và đền bù tại Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 12/8/2002 của [UBND thị xã T](#) với tổng số tiền bồi thường là 58.329.500 đồng, diện tích đất bị thu hồi là 1.164m² gồm 200m² đất ở và 964m² đất vườn, đơn giá đất ở là 4.500 đồng/m²; đơn giá đất vườn là 3.400 đồng/m² và không giải quyết bố trí đất tái định cư cho gia đình ông [Nguyễn Hữu](#).

Thực hiện chủ trương của nhà nước gia đình ông [H3](#) bàn giao mặt bằng để nhà nước xây dựng bệnh viện. Tuy nhiên, do chính sách đền bù chưa thỏa đáng. Cụ thể: trong nội dung của Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 12/8/2002 của [UBND thị xã T](#) ghi rõ, hộ ông [Nguyễn Hữu P1](#) đến [UBND phường A](#) đăng ký để được hướng dẫn lập thủ tục xin đất tái định cư. Nhưng từ năm 2004, khi ông [Nguyễn H3](#) còn sống, ông [H3](#) đã làm đơn xin bố trí tái định cư và đơn khiếu nại gửi [UBND phường A](#) và [UBND thành phố T](#) để xin đất tái định cư nhưng không được giải quyết, mặc dù đơn của gia đình ông [H3](#) đã có sự xác nhận của khối phố 1 và xác nhận của [UBND phường A](#) với nội dung chuyển đơn của ông [H3](#) tới [UBND thành phố T](#) để xem xét. Gia đình ông [H3](#) chờ mãi nhưng không thấy [UBND thành phố](#) giải quyết.

Đến ngày 08/01/2010, ông [Nguyễn H3](#) tiếp tục khiếu nại, nhưng sau đó vì già yếu, nên cha của ông [H](#) là ông [Nguyễn Văn C](#) tiếp tục khiếu nại từ năm 2010 đến năm 2017. Năm 2014, ông [Nguyễn Hữu C1](#). Đến năm 2017, do lũ lụt lớn nên ông [Nguyễn Văn C](#) chết, các giấy tờ khiếu nại của ông [H3](#) trong giai đoạn này cũng bị lũ lụt làm hư hỏng hết. Đến năm 2016, chỉ có hộ ông [Doãn Văn M1](#) và bà [Hồ Thị X](#) được bố trí tái định cư theo Thông báo số 102/TB-UBND ngày 31/3/2016. Còn hộ ông [Nguyễn H3](#) vẫn chưa được xem xét. Từ cuối năm 2018, bà [Phạm Thị H2](#) (vợ của ông [Nguyễn Văn C](#)) tiếp tục khiếu nại đến năm 2020. Sau khi nhận đơn của bà [H2](#), [UBND tỉnh Q](#) có rất nhiều văn bản yêu cầu [UBND thành phố T](#) và Trung tâm phát triển quỹ đất [T](#) giải quyết, nhưng đến nay gia đình ông [H](#) vẫn chưa được [UBND thành phố T](#) giải quyết tái định cư. Nay ông [H](#) được gia đình ủy quyền kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2021, ông [H](#) yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bố trí tái định cư cho hộ ông Nguyễn H3 theo đúng quy định của pháp luật (Theo Quyết định số 1981/QĐ-UB ngày 12/8/2002 về việc đền bù cho hộ ông Nguyễn H3 tại phường A, thị xã T để giải phóng mặt bằng xây dựng Bệnh viện Lao, Phổi tỉnh Q đối với diện tích đất 1.164m² (loại đất ở và đất vườn), tờ bản đồ số 30 của ông Nguyễn Hữu .

Đến ngày 23/01/2024, ông Nguyễn Khang H bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết khiếu nại ngày 25/7/2004 đối với ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 trú tại khối phố I, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND thành phố T trình bày:

UBND thành phố T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khang H với các lý do sau:

Thứ nhất, về yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện “Buộc UBND thành phố T bố trí tái định cư cho hộ ông Nguyễn H3 theo đúng quy định của pháp luật theo Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 12/8/2002 về việc đền bù cho hộ ông Nguyễn H3 tại phường A, thị xã T (nay là thành phố T) để giải phóng mặt bằng xây dựng Bệnh viện Lao, P2 tỉnh Quảng Nam đối với diện tích 1.164m² (loại đất ở và đất vườn), tờ bản đồ số 30 tại phường A, thành phố T”: nội dung này hộ ông Nguyễn H3 (con gái là bà Phạm Thị H2) đã có đơn kiến nghị UBND thành phố giải quyết và UBND thành phố đã ban hành Công văn số 2297/UBND-VP ngày 11/11/2020 về việc trả lời đơn cho hộ ông Nguyễn H3 với nội dung: “Dự án Bệnh viện P3 được triển khai thực hiện từ năm 2002 (dự án do Bệnh viện P3 làm chủ đầu tư), dự án đã hoàn thiện, đưa vào sử dụng và thanh quyết toán xong. Tại thời điểm thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng hộ ông Nguyễn H3 không có đơn yêu cầu xem xét giải quyết đất tái định cư. Đến nay hộ ông Nguyễn H3 có đơn yêu cầu giải quyết đất tái định cư thì vụ việc của bà H2 đã hết thời hiệu giải quyết theo quy định tại khoản 6, Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 nên không đủ điều kiện thụ lý giải quyết”. Nên UBND thành phố giữ nguyên quan điểm theo nội dung Công văn số 2297/UBND-VP ngày 11/11/2020 của UBND thành phố và không chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khang H.

Thứ hai, về nội dung khởi kiện bổ sung, yêu cầu buộc UBND thành phố T giải quyết đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 tại khối phố I, phường A, Thành phố T, vấn đề này, UBND thành phố T có ý kiến như sau:

- UBND thành phố không tiếp nhận Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 tại khối phố I, phường A, Thành phố T nên không có cơ sở để xem xét giải quyết.

- Giả sử tại thời điểm năm 2004, UBND thành phố T có tiếp nhận Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 nhưng đã quá thời hạn mà không được giải quyết thì theo quy định tại Điều 39 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998, ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án. Tuy nhiên, ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 không thực hiện quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định để đến nay mới khởi kiện bổ sung yêu cầu giải quyết Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 là không đúng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 thì trường hợp Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 thuộc trường hợp không được thụ lý giải quyết vì thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết. Vì những lý do trên đề nghị TAND tỉnh Quảng Nam bác nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Khang H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 27, 28 Luật Khiếu nại 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông Nguyễn Khang H:

Buộc Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 về bố trí đất tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Ông Nguyễn Khang H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn H3 có quyền khởi kiện vụ án hành chính về việc yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bố trí tái định cư cho hộ ông Nguyễn H3 theo đúng quy định của pháp luật (Theo Quyết định số 1981/QĐ-UB ngày 12/8/2002 về việc đền bù cho hộ ông Nguyễn H3 tại phường A, thị xã T để giải phóng mặt bằng xây dựng Bệnh viện Lao, Phổi tỉnh Q đối với diện tích đất 1.164m² (loại đất ở và đất vườn), tờ bản đồ số 30 của ông Nguyễn H3 để xây dựng Bệnh viện L, tại phường A, thành phố T) sau khi UBND thành phố T giải quyết xong Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 về bố trí đất tái định cư theo quy định của Luật tổ tụng hành chính 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/3/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Khang H kháng cáo với nội dung buộc UBND thành phố T bố trí lô tái định cư.

Ngày 29/3/2024, người bị kiện **UBND thành phố T** kháng cáo hủy một phần bản án sơ thẩm do **UBND thành phố T** không có tiếp nhận Đơn khiếu nại của ông **Nguyễn H3** và thời hiệu khiếu nại của ông **Nguyễn H3** đến nay đã hết.

Ngày 02/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị với nội dung đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện và người bị kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Nam, một phần kháng cáo của **UBND tỉnh Q**, hủy bản án hành chính sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo người bị kiện **UBND thành phố T** yêu cầu hủy một phần bản án do **UBND thành phố T** không có tiếp nhận Đơn khiếu nại của ông **Nguyễn H3** và thời hiệu khiếu nại của ông **Nguyễn H3** đã hết thì thấy:

[1.1] Ngày 12/8/2002, **UBND thành phố T** ban hành Quyết định số 1981/QĐ-UB ngày 12/8/2002 về việc đền bù cho hộ ông **Nguyễn H3** tại **phường A, thị xã T** để giải phóng mặt bằng xây dựng Bệnh viện Lao, **P2** tỉnh Quảng Nam, tại điểm Điều 2 Quyết định 1981/QĐ-UB ngày 12/8/2002 ghi rõ: “hộ ông **Nguyễn H3** đến **UBND phường A** đăng ký để được hướng dẫn lập thủ tục xin đất tái định cư.”

Ngày 15/4/2014 **UBND thành phố** ban hành Báo cáo số 59/BC-UBND gửi **Sở T7**, Chủ tịch **UBND tỉnh Q** và **Ban Q** mở Chu Lai ghi rõ “Theo quy định tại Điều 29, Quyết định 1355/1998/QĐ-UB ngày 29/7/1998 của **UBND tỉnh Q** trong đó có quy định về việc bố trí đất TĐC đối với các hộ giải tỏa trắng. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án **bệnh viện L**, chủ đầu tư là **sở Y tế tỉnh Q** chưa có khu TĐC để bố trí cho các hộ giải tỏa trắng. Mặc dù vậy các hộ cũng đã chấp hành tốt việc giải phóng mặt bằng và bàn giao đúng tiến độ”.

Như vậy theo chủ trương của **UBND tỉnh** tại Quyết định số 1355/1998/QĐ-UB ngày 29/7/1998 của **UBND tỉnh** thì các hộ dân được giải tỏa trắng trong dự án này được bố trí đất tái định cư. Tại Điều 2, Quyết định 1981/QĐ-UB ngày 12/8/2002 cũng ghi rõ “hộ ông **Nguyễn H3** đến **UBND phường A** đăng ký để được hướng dẫn lập thủ tục xin đất tái định cư.”

Tuy nhiên, đến năm 2016, chỉ có hộ ông **Doãn Văn M1** và bà **Hồ Thị X** được bố trí tái định cư theo Thông báo số 102/TB-UBND ngày 31/3/2016. Còn hộ ông **Nguyễn H3** vẫn chưa được xem xét. Vì vậy, từ năm 2018, bà **Phạm Thị H2** là con dâu của ông **Nguyễn H3** (vợ ông **Nguyễn Văn C**) liên tục có rất nhiều đơn

kiếu nại gửi đến các cơ quan chức năng, từ Trung ương đến UBND thành phố T nhưng vẫn chưa được bố trí đất tái định cư.

Ngày 25/7/2004, ông H3 làm đơn khiếu nại gửi UBND thành phố T và Ban đền bù giải tỏa thị xã T, UBND phường A yêu cầu giải quyết bố trí cho gia đình ông đất tái định cư theo quy định của Luật đất đai 2003, đơn này đã được UBND phường A tiếp nhận, xem xét và kính chuyển cho UBND thành phố T và Ban đền bù giải tỏa thị xã T vào ngày 18/8/2004, nhưng đến nay chưa được giải quyết. Như vậy; từ khi giải tỏa đến nay gia đình ông Nguyễn H3 được quyền bố trí đất tái định cư nên liên tục khiếu nại từ UBND phường A, UBND thành phố T về việc bố trí đất tái định cư cho gia đình ông H3 nhưng UBND thành phố T vẫn chưa giải quyết nên còn thời hiệu khởi kiện theo Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2] Xét thấy, việc UBND thành phố chưa giải quyết đơn khiếu nại cho ông Nguyễn H3 là không đúng quy định tại các Điều 27, 28 Luật Khiếu nại 2011 nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khang H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn H3 về việc buộc Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 về bố trí đất tái định cư theo đúng quy định của pháp luật là có cơ sở đúng pháp luật.

Ngoài ra; UBND thành phố T ban hành Công văn số 2297/UBND-VP ngày 11/11/2020 trả lời đơn của bà Phạm Thị H2 cho rằng: “Dự án Bệnh viện P3 được triển khai thực hiện từ năm 2002 (do Bệnh viện Phạm Ngọc T6 làm chủ đầu tư), dự án đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng và thanh quyết toán xong. Tại thời điểm thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng hộ ông Nguyễn H3 (bố của bà H2) không có đơn yêu cầu xem xét giải quyết đất tái định cư. Đến nay, bà Phạm Thị H2 (con gái ông H3) có đơn yêu cầu giải quyết đất tái định cư thì vụ việc của hộ bà H2 đã hết thời hiệu giải quyết theo quy định khoản 6, Điều 11, Luật Khiếu nại năm 2011 nên không đủ điều kiện thụ lý giải quyết.” là không đúng bản chất sự việc. Bởi lẽ, thời điểm giải tỏa chưa có khu TĐC để bố trí cho các hộ giải tỏa trắng, hơn nữa đến năm 2016, sau 14 năm kể từ thời điểm giải tỏa thì chỉ có hộ ông Doãn Văn M1 và bà Hồ Thị X được bố trí tái định cư theo Thông báo số 102/TB-UBND ngày 31/3/2016, riêng hộ ông Nguyễn H3 với lý do chưa có đơn nên không được xem xét bố trí tái định cư là xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp người khởi kiện.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Khang H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc hủy bản án sơ thẩm do không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện thì thấy:

[2.1] Theo bản án sơ thẩm, hiện nay UBND thành phố T chưa giải quyết Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông Nguyễn H3 và bà Nguyễn Thị H4 về bố trí đất tái định cư. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bố

trí tái định cư cho hộ ông **Nguyễn Hữu** . Khi nào **UBND thành phố T** giải quyết xong đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông **Nguyễn H3** và bà **Nguyễn Thị H4**, về việc bố trí đất tái định cư cho ông **Nguyễn Hữu** . Nếu không đồng ý với nội dung trả lời của **UBND thành phố T**, thì ông **Nguyễn Khang H** và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông **Nguyễn H3** có quyền khởi kiện vụ án hành chính đối với nội dung này, theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính 2015.

[2.2] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và xử lý như vậy là thiếu chính xác, chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện, cần rút kinh nghiệm. Trong trường hợp người khởi kiện có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền, đồng thời có đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì Tòa án phải yêu cầu người khởi kiện lựa chọn cơ quan giải quyết và có văn bản thông báo cho Tòa án.

Đây là quyền lựa chọn của người khởi kiện được quy định tại Điều 33 Luật tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, tại phần nhận định bản án sơ thẩm đã buộc Chủ tịch **UBND thành phố T** giải quyết Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông **Nguyễn H3** và bà **Nguyễn Thị H4** theo hướng bố trí đất tái định cư theo đúng chủ trương và chính sách của pháp luật nên không nhất thiết phải hủy bản án sơ thẩm theo như kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Quảng Nam. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Nguyễn Khang H**, người bị kiện **UBND thành phố T** và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện đều không được chấp nhận nên mỗi người chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 27, 28 Luật Khiếu nại 2011; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Nguyễn Khang H**, người bị kiện **UBND thành phố T**; kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm số 17/2024/HC-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của ông **Nguyễn Khang H**:

Buộc Chủ tịch **UBND thành phố T** giải quyết Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông **Nguyễn H3** và bà **Nguyễn Thị H4** về bố trí đất tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

Ông **Nguyễn Khang H** và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông **Nguyễn H3** có quyền khởi kiện vụ án hành chính về việc yêu cầu: Buộc **Ủy ban nhân dân thành phố T** bố trí tái định cư cho hộ ông **Nguyễn H3** theo đúng quy định của pháp luật (Theo Quyết định số 1981/QĐ-UB ngày 12/8/2002 về việc đền bù cho hộ ông **Nguyễn H3** tại **phường A, thị xã T** để giải phóng mặt bằng xây dựng Bệnh viện Lao, **Phối tỉnh Q** đối với diện tích đất 1.164m² (loại đất ở và đất vườn), tờ bản đồ số 30 của ông **Nguyễn H3** để xây dựng **Bệnh viện L**, tại **phường A, thành phố T**) sau khi **UBND thành phố T** giải quyết xong Đơn khiếu nại ngày 25/7/2004 của ông **Nguyễn H3** và bà **Nguyễn Thị H4** về bố trí đất tái định cư theo quy định của Luật tổ tụng hành chính 2015.

2. Về án phí: Ông **Nguyễn Khang H** và **Ủy ban nhân dân thành phố T** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000107 ngày 24/4/2024 và Biên lai thu tiền số 0000210 ngày 08/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn